TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ	*Vũ Thư, ngày 21 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 34/2019/TLST-VDS ngày 13 tháng 5 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn L1, xã N, huyện L, tỉnh H.

- Anh **Phạm Văn H1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn L2, xã M, huyện V, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh T vào ngày 08/12/2011. Sau khi kết hôn chị H và anh H1 chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng không có hạnh phúc. vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị H và anh H1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, nên đã thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh chị vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 20/01/2013. Chị H và anh H1 thống nhất: Chị Trần Thị H trực tiếp

nuôi con chung và anh Phạm Văn H1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đ (Một triệu đồng)/ 01 tháng tính từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị H và anh H1 tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự.

Xét thấy sự thỏa thuận của chị H và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 thống nhất có 01 con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 20/01/2013. Chị H trực tiếp nuôi con chung và anh H1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đ (Một triệu đồng)/ 01 tháng tính từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh H1 có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Chị H và anh H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh H1 thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H và anh H1 tự nguyện mỗi người nộp 150.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự (Chuyển số tiền chị H và anh H1 mỗi người đã nộp 150.000 đồng, tại biên lai số 0003373 và biên lai số 0003372 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã M, huyện V.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng